

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2026.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Hải.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 355/2025/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2025, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 382/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P - sinh năm 1996, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã K, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L - sinh năm 1981, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị P như sau:

Bà và ông Nguyễn Thành L sống chung với nhau từ năm 2013, không có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/4/2015.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà nghiện ma túy, hay ghen tuông, ông L thường đánh đập vợ, bà khuyên nhiều lần nhưng ông L không thay đổi và vợ chồng ông bà ly thân từ tháng 04 năm 2020 đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Thành L nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Kim H - sinh ngày 01/01/2014.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Kim H - sinh ngày 01/01/2014 và không yêu cầu ông Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà P về thời gian hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông L trình bày như sau: Do nghi ngờ vợ có người đàn ông khác nên ông có đánh vợ mấy bực tay, vì vậy, vợ ông dẫn con bỏ nhà đi cho đến nay không quay lại. Vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Hiện ông còn tình cảm với bà Lê Thị P nên xin Tòa án giải quyết cho ông được đoàn tụ với bà Lê Thị P. Về con chung ông L đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kim H - sinh ngày 01/01/2014 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Thành L. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc Kim H - sinh ngày 01/01/2014 cho bà Lê Thị P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Thị P và ông Nguyễn Thành L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Bà Lê Thị P có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Lê Thị P không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử cũng như nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lê Thị P.

Ông Nguyễn Thành L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành L.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Thành L sống chung với nhau từ năm 2013, ông bà không có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86/2015, ngày 27/4/2015, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Lê Thị P và ông Nguyễn Thành L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Lê Thị P và ông Nguyễn Thành L là hôn nhân tự nguyện, ông bà sống hạnh phúc khoảng 07 năm và có 01 người con chung nhưng vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Lê Thị P cho rằng ông Nguyễn Thành L nghiện ma túy, hay ghen tuông, ông L thường đánh đập vợ, bà khuyên nhiều lần nhưng ông L không thay đổi và vợ chồng ông bà ly thân từ tháng 04 năm 2020 đến nay. Ông L cho rằng vợ ông có người đàn ông khác nên ông có đánh vợ mấy bực tay, vì vậy, vợ ông dẫn con bỏ nhà đi cho đến nay không quay lại. Ngày 04/12/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải đề động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Thành L vắng mặt. Ngày 22/12/2025, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải lần 02 nhưng bà P có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Xét thấy, trong thời gian ly thân bà và ông Nguyễn Thành L không còn liên lạc với nhau, mặc dù, ông Nguyễn Thành L không đồng ý ly hôn nhưng ông L cũng thừa nhận vợ chồng ông bà có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, vì bà Lê Thị P cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành L và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Thành L nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị P.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Thành L có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Kim H - sinh ngày 01/01/2014 hiện nay bà Lê Thị P đang nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thành L đồng ý giao con chung cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Lê Thị P xin nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Kim H - sinh ngày 01/01/2014, hiện cháu H có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị P.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Thành L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Thị P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006640, ngày 29/10/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị P ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim H - sinh ngày 01/01/2014 cho bà Lê Thị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Thành L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước

đây theo biên lai thu số 0006640, ngày 29/10/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Gò Quao;
- UBND xã Kon Plông;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang